

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC XÃ HỘI CẤP NHÀ NƯỚC KX.02

**"CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỊNH HƯỚNG
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA: CON ĐƯỜNG VÀ BƯỚC ĐI"**

ĐỀ TÀI KX.02.03

**XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ TRI THỨC VÀ TÁC ĐỘNG
CỦA NÓ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ CỦA VIỆT NAM**

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chủ nhiệm đề tài : GS.TS Đặng Hữu

Phó chủ nhiệm đề tài : TS Đinh Quang Ty

Thư ký đề tài : TS Hồ Ngọc Luật

Hà Nội, 2005

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC XÃ HỘI CẤP NHÀ NƯỚC KX.02

**"CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỊNH HƯỚNG
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA: CON ĐƯỜNG VÀ BƯỚC ĐI"**

ĐỀ TÀI KX.02.03

**XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ TRI THỨC VÀ TÁC ĐỘNG
CỦA NÓ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ CỦA VIỆT NAM**

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chủ nhiệm đề tài : GS.TS Đặng Hữu

Phó chủ nhiệm đề tài : TS Đinh Quang Ty

Thư ký đề tài : TS Hồ Ngọc Luật

Hà Nội, 2005

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI VÀ CỘNG TÁC VIÊN

Những người chịu trách nhiệm chính :

- | | |
|-------------------------------|-----------------|
| 1- GS.TS Đặng Hữu | - Chủ nhiệm |
| 2- TS. Đinh Quang Ty | - Phó Chủ nhiệm |
| 3- TS. Hồ Ngọc Luật | - Thư ký |
| 4- PGS.TSKH Nguyễn Quang Thái | - Thành viên |
| 5- GS.TS Phạm Tất Dong | - Thành viên |
| 6- GS.TS Phạm Ngọc Quang | - Thành viên |
| 7- PGS.TS Nghiêm Đình Vỳ | - Thành viên |
| 8- TS. Phạm Anh Tuấn | - Thành viên |
| 9- Ths. Nguyễn Bích Thọ | - Thành viên |
| 10- TS. Trần Minh Tiến | - Thành viên |

Cộng tác viên :

- | | |
|----------------------------|--|
| 1- GS.TSKH Nguyễn Hữu Tăng | Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam |
| 2- GS. Chu Hảo | Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam |
| 3- PGS.TS Trần Đình Thiên | Viện Kinh tế Việt Nam |
| 4- GS.TS Đặng Ngọc Dinh | Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam |
| 5- GS.TS Đỗ Thế Tùng | Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh |
| 6- GS.TS Trần Ngọc Hiên | Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh |
| 7- TS. Lưu Bích Hồ | Ban Nghiên cứu Thủ tướng Chính phủ |
| 8- GS.TS Vũ Đình Cự | Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam |
| 9- PGS.TS Ngô Doãn Vịnh | Viện Chiến lược phát triển (Bộ KH&ĐT) |
| 10- PGS.TS Bùi Tất Thắng | Viện Chiến lược phát triển (Bộ KH&ĐT) |
| 11- PGS.TS Nguyễn Quang | Ban Khoa giáo Trung ương |
| 12- TS. Trần Hồng Hà | Ban Khoa giáo Trung ương |
| 13- TS. Võ Trí Thành | Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương |
| 14- TS. Nguyễn Xuân Thu | Viện Chiến lược phát triển (Bộ KH&ĐT) |
| 15- TS. Nguyễn Quang A | Công ty 3C |
| 16- PGS.TS Lê Bộ Lĩnh | Viện Kinh tế và Chính trị thế giới |
| 17- PGS .TS Phí Mạnh Hồng | Đại học Quốc gia Hà Nội |

MỤC LỤC

Lời mở đầu	8
Phần thứ nhất : Kinh tế tri thức – Xu hướng phát triển của thời đại: Cơ sở lý luận và thực tiễn	12
<i>I- Kinh tế tri thức: vai trò, những khái niệm cơ bản</i>	12
<i>I.1- Một số khái niệm cơ bản</i>	12
I.1.1- Tri thức và vai trò của tri thức đối với phát triển	12
I.1.2- Khái niệm về nền kinh tế tri thức	20
<i>I.2- Sự xuất hiện của kinh tế tri thức – hệ quả tất yếu của tiến trình lịch sử tự nhiên của nhân loại</i>	24
I.2.1- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại - đặc điểm và vai trò của nó đối với kinh tế tri thức	24
I.2.2- Kinh tế thị trường là động lực mạnh mẽ đẩy nhanh cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, và do đó thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức toàn cầu	28
I.2.3- Sự phát triển kinh tế thị trường và thương mại thế giới đi liền với cách mạng khoa học – công nghệ thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức toàn cầu	29
<i>I.3- Đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế tri thức</i>	31
I.3.1- Tri thức trở thành yếu tố chủ yếu nhất của nền kinh tế	31
I.3.2- Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển đổi ngày càng nhanh theo hướng tăng nhanh giá trị gia tăng	33
I.3.3- Tốc độ đổi mới nhanh, sản xuất công nghệ trở thành ngành sản xuất đặc biệt quan trọng	34
I.3.4- Công nghệ thông tin và viễn thông được ứng dụng rộng rãi và ngày càng sâu trong mọi lĩnh vực đời sống kinh tế – xã hội	38
I.3.5- Đặc tính, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực trong nền kinh tế tri thức thay đổi căn bản	39
<i>I.4- Các chỉ số nhận biết xu thế, đánh giá mức độ phát triển của nền kinh tế tri thức</i>	43
I.4.1- Các chỉ số đánh giá theo đề xuất của OECD	44
I.4.2- Các chỉ số đánh giá theo kiến nghị của APEC	44

I.4.3- Phương pháp đánh giá của Ngân hàng Thế giới	45
I.4.4- Phương pháp đánh giá của Mỹ	48
<i>I.5- Động lực cho sự phát triển kinh tế tri thức</i>	49
I.5.1- Bốn động lực chính rút ra từ kinh nghiệm của các nước đi trước	49
I.5.2- Động lực của kinh tế tri thức theo cách tiếp cận của Ngân hàng Thế giới	50
I.5.3- Động lực của kinh tế tri thức theo cách tiếp cận của OECD	50
I.5.4- Các nước đang phát triển có thể rút ra được gì ?	51
<i>II- Xu thế tác động của kinh tế tri thức – với tính cách là lực lượng sản xuất mới đến các lĩnh vực chủ yếu của thế giới ngày nay</i>	53
<i>II.1- Tác động của kinh tế tri thức đến cơ cấu lao động xã hội, sự phát triển nhanh của công nhân tri thức</i>	53
<i>II.2- Tác động của kinh tế tri thức đến văn hoá</i>	54
<i>II.3- Tác động của kinh tế tri thức đến quan hệ sản xuất</i>	54
<i>II.4- Nền kinh tế tri thức toàn cầu hoá đang khơi sâu các mâu thuẫn của thời đại</i>	58
<i>II.5- Kinh tế tri thức và tư duy mới về sự phát triển</i>	62
<i>II.6- Kinh tế tri thức và khả năng rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của các nước đang phát triển</i>	66
<i>III- Xu thế chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức</i>	66
<i>III.1- Sự chuyển biến sang nền kinh tế tri thức – một xu hướng lớn mang tính phổ biến đối với các nước</i>	66
<i>III.2- Dự báo khái quát về xu thế phát triển của kinh tế tri thức trong giai đoạn sắp tới</i>	67
<i>III.3- Thời cơ, thuận lợi và khó khăn đặt ra cho các nước đang phát triển trong quá trình tiếp cận và chuyển sang kinh tế tri thức</i>	68
<i>IV- Kinh nghiệm của một số nước trong quá trình hình thành, phát triển kinh tế tri thức và bài học đối với Việt Nam</i>	69
<i>IV.1- Khái quát tình hình phát triển kinh tế tri thức trên thế giới những năm gần đây</i>	69
<i>IV.2- Tổng kết bước đầu về kinh nghiệm của một số nước trong quá trình phát triển kinh tế tri thức</i>	73

IV.2.1- Kinh nghiệm của Mỹ về tạo lập thể chế để đạt được tính đổi mới cao	73
IV.2.2- Kinh nghiệm của các nước Bắc Âu về tạo môi trường phát triển kinh tế tri thức	74
IV.2.3- Kinh nghiệm của Singapore về phát huy lợi thế để bắt kịp tốc độ phát triển của kinh tế tri thức toàn cầu	76
IV.2.4- Kinh nghiệm của Hàn Quốc : đi thẳng vào hiện đại ở những ngành, lĩnh vực xung yếu và tạo đòn bẩy mạnh để phát triển kinh tế tri thức	77
IV.2.5- Kinh nghiệm của Malaysia : có chiến lược đồng bộ và phát huy tốt vai trò của khu vực tư nhân	78
IV.2.6- Kinh nghiệm của các nước châu MỹLa-tinh : quyết tâm vượt qua khó khăn để tạo nền móng cho kinh tế tri thức	79
IV.2.7- Kinh nghiệm vươn lên nhanh của Trung Quốc và Ấn Độ	79
<i>IV.3- Năm bài học rút ra cho Việt Nam và các nước đi sau</i>	82
Phần thứ hai : Hội nhập xu thế phát triển kinh tế tri thức toàn cầu là đòi hỏi tất yếu đối với Việt Nam	83
<i>I- Thực trạng kinh tế – xã hội Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ phát triển kinh tế tri thức</i>	86
<i>I.1.- Phân tích thực trạng nền kinh tế trên một số tiêu chí chủ yếu</i>	86
I.1.1- Môi trường kinh doanh, thể chế chính sách	86
I.1.2- Nguồn nhân lực	90
I.1.3- Hệ thống đổi mới quốc gia	93
I.1.4- Công nghệ thông tin và truyền thông	97
<i>I.2- Đánh giá chung</i>	101
<i>II- Những nhân tố mới – phát triển dựa vào tri thức</i>	106
<i>II.1- Những cánh đồng thu nhập cao dựa vào tri thức</i>	106
<i>II.2- Những vùng đất phát triển dựa vào tri thức</i>	107
<i>II.3- Các khu nông nghiệp công nghệ cao</i>	111
<i>II.4- Những lĩnh vực phát triển nhanh dựa vào tri thức</i>	113
<i>II.5- Những đơn vị phát triển dựa vào tri thức</i>	114
<i>III- Rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tất yếu phải dựa trên nền tảng tri thức</i>	118

<i>III.1- Khó khăn và thuận lợi đối với Việt Nam trong phát triển kinh tế tri thức</i>	118
III.1.1- Những khó khăn chính phải vượt qua	110
III.1.2- Những cơ hội chủ yếu phải tận dụng có hiệu quả	120
<i>III.2- Sự cần thiết và khả năng rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên tri thức ở Việt Nam</i>	122
Phần thứ ba : Quan điểm, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mô hình công nghiệp hoá, hiện đại hoá rút ngắn dựa trên tri thức ở Việt Nam	125
I. Hệ quan điểm cơ bản	125
I.1- Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam thực chất là thực hiện chiến lược công nghiệp hoá rút ngắn dựa trên tri thức	125
I.2- Nước ta cần thực hiện đồng thời, lồng ghép hợp lý hai quá trình công nghiệp hoá và phát triển kinh tế tri thức	129
I.3- Là nước đi sau, Việt Nam phải kết hợp tuần tự và nhảy vọt - mô hình hai tốc độ. Đi thẳng vào hiện đại ở những khâu, những lĩnh vực, những ngành có lợi thế, phát triển các ngành, các vùng kinh tế mũi nhọn tạo thành đầu tàu có sức kéo mạnh toàn bộ nền kinh tế	131
I.4- Kết hợp truyền thống và hiện đại, phát huy năng lực nội sinh, kết hợp với các yếu tố ngoại sinh	133
I.5- Để thực hiện công nghiệp hoá dựa trên tri thức và Chiến lược phát triển kinh tế tri thức ở nước ta, cần tạo ra những đột phá ở những vùng và ngành trọng điểm có sức lan toả thực sự	134
I.6- Khái quát về mô hình, con đường, bước đi	134
II. Phương hướng nhiệm vụ	135
II.1- Đổi mới tư duy phát triển tạo môi trường cho sự phát triển kinh tế tri thức	135
II.2- Chủ động, tích cực hội nhập vào xu thế phát triển kinh tế tri thức toàn cầu	136
II.3- Chuyển hướng phát triển các lĩnh vực trọng yếu sang chủ yếu dựa vào tri thức	137
II.4- Sử dụng có hiệu quả tri thức mới để đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn	139

<i>II.5- Đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp và dịch vụ</i>	142
<i>II.6- Phát triển nhanh có chọn lọc các ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao</i>	143
III. Các giải pháp vận dụng kinh tế tri thức để đẩy nhanh CNH, HĐH và rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước tiên tiến	144
<i>III.1- Đổi mới cơ chế và chính sách, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, mở đường cho kinh tế tri thức phát triển</i>	144
<i>III.2- Cải cách triệt để nền giáo dục, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao - yếu tố quyết định sự thành công của chiến lược phát triển kinh tế tri thức</i>	146
<i>III.3- Tăng cường năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, thiết lập hệ thống đổi mới quốc gia hữu hiệu – động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế tri thức</i>	152
<i>III.4- Đổi mới doanh nghiệp - khâu trung tâm của đổi mới sản xuất tiến tới kinh tế tri thức.</i>	156
<i>III.5- Phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội – mũi nhọn xung kích tiến vào kinh tế tri thức.</i>	158
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	162
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	167

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- AFTA:** Asia Free Trade Agreement - Hiệp định Thương mại tự do châu Á
- APEC:** Asia Pacific Economic Cooperation - Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
- ASEAN:** Association of Southeast Asian Nations - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- EU:** European Union - Liên minh châu Âu
- FDI:** Foreign Trade Investment - Đầu tư trực tiếp của nước ngoài
- OECD:** Organization for Economic Cooperation and Development - Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
- R&D:** Research and Development - Nghiên cứu và Triển khai
- WB:** World Bank - Ngân hàng Thế giới
- WTO:** World Trade Organization - Tổ chức Thương mại Thế giới
- UNESCO:** United Nation Educational, Scientifical and Cultural Organization - Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của LHQ
- UNDP:** United Nation Development Program - Chương trình Phát triển của LHQ
- CNH, HDH :** Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
- CNXH :** Chủ nghĩa xã hội
- CNTB :** Chủ nghĩa tư bản
- KTTT :** Kinh tế tri thức
- XHCN :** Xã hội chủ nghĩa

Lời mở đầu

Kinh tế tri thức đã chính thức xuất hiện từ hơn hai thập kỷ qua. Các nền kinh tế phát triển trên thế giới đang chuyển sang kinh tế tri thức với những thay đổi sâu sắc về cách thức hoạt động sản xuất kinh doanh, cách tổ chức quản lý, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, vị trí con người trong sản xuất...

Cách mạng tri thức, cách mạng thông tin với tính cách là hệ quả của kinh tế thị trường ở trình độ cao hiện đang thúc đẩy kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ. Những xu hướng lớn có tính tất yếu này đan kết chặt chẽ với nhau và cùng với toàn cầu hoá đã, đang và sẽ tác động đến tất cả các nước, cho dù là ở những mức độ không đồng đều. Các nước đang phát triển cần nắm lấy thời cơ, phát triển kinh tế tri thức để rút ngắn khoảng cách so với các nước phát triển. Ngày nay, khoảng cách phát triển giữa các nước, giữa các nhóm xã hội và kể cả giữa các cá nhân bên trong mỗi nước chính là do khoảng cách về tri thức. Nhiều nước đã đề ra “chiến lược đi tắt vào kinh tế tri thức”, “chiến lược công nghiệp hoá dựa vào tri thức”, “sử dụng tri thức cho phát triển”,...

Đối với Việt Nam, kinh tế tri thức tất yếu sẽ có những tác động ngày càng mạnh, làm nảy sinh những thách thức rất gay gắt, nhưng cũng tạo ra những cơ hội to lớn để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Từ một nước nông nghiệp nghèo nàn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cái thiếu nhất đối với nước ta là cơ sở vật chất - kỹ thuật của một nền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Vì vậy, Đảng ta xác định nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ là phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Công nghiệp hoá trong bối cảnh quốc tế ngày nay không thể rập khuôn theo mô hình công nghiệp hoá của các nước đã đi trước. Kinh tế tri thức - giai đoạn phát triển mới của lực lượng sản xuất xã hội, đang tạo ra những điều kiện và khả năng mới để Việt Nam rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Báo cáo chính trị tại Đại hội IX đã chỉ rõ: “Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, *từng bước phát triển kinh tế tri thức*”¹.

Nước ta tuy còn nghèo, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, nhưng tiềm năng trí tuệ của con người Việt Nam không thua kém những “con rồng”, những

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội – 2005, tr. 639.